

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON 14

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 01/MN14 ngày 02/01/2024 của Trường Mầm non 14)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	392
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	392
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.987
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.987
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.136
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.529
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.322

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Kim Bạch Phụng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON 14

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
1	Số thu phí, lệ phí	0	0		
1.1	Lệ phí	0	0		
1.2	Phí	0	0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
2.1	Chi sự nghiệp.....	0	0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0		
3.1	Lệ phí	0	0		
3.2	Phí	0	0		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.987	2.341	72%	72%
1	Chi quản lý hành chính	120	88	73%	75%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	120	88	73%	75%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	Nghiên cứu khoa học	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.867	3.246	67%	67%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.136	1568	100%	100%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.529	701	91%	72%
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.202	977	89%	132%

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Kim Bạch Phụng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 14

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí	392	392			
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	392	392			
	Học phí	392	392			
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ	517	517			
	Thiết bị vật dụng BT	76	76			
	Tổ chức PV và quản lý BT	315	315			
	Năng khiếu tự chọn	126	126			
	Vệ sinh					
	Lãi tiền gửi					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.817	1.817			
	Mục 6000	687	687			
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	687	687			
6003	Lương HĐ dài hạn					
	Mục 6050					
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc					
6099	Tiền công khác					
	Mục 6100	404	404			
6101	Chức vụ	15	15			
6105	PC Làm đêm,làm thêm giờ	91.5	91.5			
6112	Phụ cấp ưu đãi	218	218			
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công vụ	2	2			
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	77.5	77.5			
	Mục 6300	188	188			
6301	BHXXH	132.5	132.5			
6302	BHYT	23.5	23.5			
6303	KPCĐ	15.5	15.5			

6304	BHTN	16.5	16.5			
	Mục 6400					
6404	Chi thu nhập tang thêm theo cơ chế khoán, tự chủ					
6449	Chi khác					
	Mục 6500					
6501	Tiền điện					
6502	Tiền nước					
6503	Tiền nhiên liệu					
6549	Chi khác					
	Mục 6550					
6551	Văn phòng phẩm					
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng					
6599	Vật tư văn phòng phẩm					
	Mục 6600					
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước internet, thuê đường truyền mạng					
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện					
	Mục 6650					
6651	In mua tài liệu					
	Mục 6700	6	6			
6704	Công tác phí	6	6			
	Mục 6750	43	43			
6757	Thuê lao động trong nước	43	43			
	Mục 6900					
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng					
	Mục 7050					
7053	Mua sắm tài sản vô hình					
	Mục 7950	489	489			
7951	Lập quỹ bổ sung thu nhập	317	317			
7952	Quỹ phúc lợi	107	107			
7953	Quỹ khen thưởng	15	15			
7954	Quỹ Phát triển sự nghiệp	50	50			
B	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.508	1.508			
	Mục 6000					
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương					
6003	Lương HĐ dài hạn					
	Mục 6050					
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc					
6099	Tiền công khác					
	Mục 6100					
6101	Chức vụ					
6105	PC Làm đêm, làm thêm giờ					

6112	Phụ cấp ưu đãi					
6113	Phụ cấp trách nhiệm					
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung					
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành					
	Mục 6300					
6301	BHXH					
6302	BHYT					
6303	KPCĐ					
6304	BHTN					
6349	Các khoản đóng góp khác					

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Kim Bạch Phụng